

Số: 29/2014/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THÔNG TƯ**

**Ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện**

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính và Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế-kỹ thuật bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./

**Nơi nhận:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TT&TT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ TTTT;
- Website của Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, KHTC (100b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG**



**Trần Đức Lai**

**ĐỊNH MỨC BẢO TRÌ THIẾT BỊ TÀN SỎ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*(Ban hành Kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

## MỤC LỤC

| Mã hiệu    | Nội dung                                                       | Trang |
|------------|----------------------------------------------------------------|-------|
|            | <b>Chương I. BẢO TRÌ TRẠM KIỂM SOÁT CỐ ĐỊNH</b>                | 3     |
| TS.100.10  | KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA TRẠM                           | 3     |
| TS.100.11  | KIỂM TRA CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC                      | 3     |
| TS.100.12  | KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG ĐIỀU HOÀ NHIỆT ĐỘ                          | 4     |
| TS.100.13  | KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ AN TOÀN, CẢNH BÁO             | 5     |
| TS.100.14  | KIỂM TRA THIẾT BỊ NGUỒN UPS                                    | 7     |
| TS.100.15  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG MÁY NỔ                             | 8     |
| TS.100.20  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG TIẾP ĐẤT CHO THIẾT BỊ              | 9     |
| TS.100.30  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG ĂNGTEN                             | 10    |
| TS.100.40  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG CÁP TÍN HIỆU, ĐIỀU KHIỂN           | 11    |
| TS.100.50  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG CẮT SÉT                            | 12    |
| TS.100.60  | KIỂM TRA THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRONG TỦ MÁY                         | 13    |
| TS.100.70  | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ THU ĐO ĐỊNH HƯỚNG                        | 14    |
| TS.100.71  | KIỂM TRA CÁC MÁY THU ĐO                                        | 14    |
| TS.100.72  | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ ĐỊNH HƯỚNG                               | 15    |
| TS.100.73  | KIỂM TRA MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN VÀ PHẦN MỀM                       | 16    |
| TS.100.74  | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ KHÁC                                     | 17    |
| TS.100.80  | HIỆU CHUẨN CÁC MÁY THU ĐO ĐỊNH HƯỚNG                           | 18    |
| TS..100.90 | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CỘT CAO THÔNG TIN, LOẠI CỘT TỰ ĐỨNG | 19    |
| TS.110.10  | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CỘT CAO THÔNG TIN, LOẠI CỘT DÂY CO  | 19    |
|            | <b>Chương II. BẢO TRÌ TRẠM KIỂM SOÁT LƯU ĐỘNG</b>              | 21    |
| TS.200.10  | KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA TRẠM                           | 21    |
| TS.200.11  | KIỂM TRA CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC                      | 21    |
| TS.200.12  | KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG ĐIỀU HOÀ NHIỆT ĐỘ                          | 22    |

|           |                                                      |    |
|-----------|------------------------------------------------------|----|
| TS.100.13 | KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG MÁY NỔ                  | 23 |
| TS.200.14 | KIỂM TRA THIẾT BỊ NGUỒN UPS                          | 24 |
| TS.200.20 | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG ĂNGTEN                   | 25 |
| TS.200.30 | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG CÁP TÍN HIỆU, ĐIỀU KHIỂN | 26 |
| TS.200.40 | KIỂM TRA LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, GIÁ THIẾT BỊ              | 27 |
| TS.200.50 | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ THU ĐO ĐỊNH HƯỚNG              | 28 |
| TS.200.51 | KIỂM TRA CÁC MÁY THU ĐO                              | 28 |
| TS.200.52 | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ ĐỊNH HƯỚNG                     | 29 |
| TS.200.53 | KIỂM TRA MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN VÀ PHẦN MỀM             | 30 |
| TS.200.54 | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ KHÁC                           | 31 |
| TS.100.60 | HIỆU CHUẨN CÁC MÁY THU ĐO ĐỊNH HƯỚNG                 | 32 |
|           | <b>Chương III. BẢO TRÌ TRUNG TÂM ĐIỀU KHIỂN</b>      | 33 |
| TS.300.10 | KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA TRẠM                 | 33 |
| TS.300.11 | KIỂM TRA CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC            | 33 |
| TS.300.12 | KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG ĐIỀU HOÀ NHIỆT ĐỘ                | 34 |
| TS.300.13 | KIỂM TRA THIẾT BỊ NGUỒN UPS                          | 35 |
| TS.300.20 | KIỂM TRA LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TRONG TỦ MÁY               | 36 |
| TS.300.30 | KIỂM TRA CÁC THIẾT BỊ KHÁC                           | 37 |
| TS.300.40 | KIỂM TRA MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN VÀ PHẦN MỀM             | 38 |
| TS.300.50 | KIỂM TRA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG TIẾP ĐẤT CHO THIẾT BỊ    | 39 |
|           | <b>Chương IV. BẢO TRÌ THIẾT BỊ LẺ</b>                | 40 |
| TS.400.10 | KIỂM TRA BẢO TRÌ THIẾT BỊ                            | 40 |
| TS.400.20 | HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ                                  | 42 |
| TS.400.30 | KIỂM TRA THIẾT BỊ NGUỒN UPS                          | 43 |
| TS.400.40 | KIỂM TRA BẢO TRÌ HỆ THỐNG TIẾP ĐẤT CHO THIẾT BỊ      | 44 |

# **PHẦN I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **I. THUYẾT MINH CHUNG**

Định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện là định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí cần thiết về vật liệu, lao động, máy và thiết bị thi công (gọi tắt là máy thi công) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc.

Định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện được lập trên cơ sở các quy trình bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện, tiêu chuẩn xây dựng; quy phạm kỹ thuật về thiết bị tần số vô tuyến điện.

Mỗi loại định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện được trình bày thành phần công việc, điều kiện áp dụng, bảng mức với các đơn vị tính về hao phí vật chất phù hợp để thực hiện thành một đơn vị khối lượng công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

#### **1. Nội dung định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện**

Định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện bao gồm:

##### **1.1. Mức hao phí vật liệu**

Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ trong vật liệu trực tiếp cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

Mức hao phí vật liệu trong định mức này đã bao gồm hao hụt vật liệu ở khâu thi công và luân chuyển (nếu có).

##### **1.2. Mức hao phí lao động**

Là số ngày công lao động của cán bộ kỹ thuật, công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả nhân công chính, phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc công nhân, kỹ sư được ghi trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân, kỹ sư tham gia thực hiện một đơn vị công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

##### **1.3. Mức hao phí máy thi công**

Là số ca sử dụng máy, thiết bị chính và phục vụ trực tiếp để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện.

#### **2. Kết cấu tập định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện**

Tập định mức dự toán bảo trì thiết bị tần số vô tuyến điện được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hóa thống nhất bao gồm 03 chương:

- Chương I: Bảo trì trạm kiểm soát cố định
- Chương II: Bảo trì trạm kiểm soát lưu động
- Chương III: Bảo trì trung tâm điều khiển
- Chương IV : Bảo trì thiết bị lẻ